

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/04/2018

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Thiện Phong

2. Ông Bùi Minh Giám

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tú Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 157/2017/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị C, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Ngô Thị C trình bày:

+ Về hôn nhân: Vào năm 2006 tôi và anh Trần Văn T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H vào ngày 29/8/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi đám cưới cho đến khoảng năm 2016 thì thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra cự cãi với nhau. Mỗi lần anh T đi đâu về là kiểm chuyện gây gổ và đánh đập tôi cũng như đập phá tài sản trong gia đình. Gần đây nhất là vào ngày 28/3/2017 anh T tiếp tục đi công việc về kiểm chuyện chửi bới, đánh đập tôi và vợ chồng tôi cũng đã ly thân với nhau từ ngày 28/3/2017 đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, tôi không thể

tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh T nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Văn T.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và anh T có với nhau 02 người con chung tên Trần Anh T, sinh ngày 05/12/2007 và Trần Phát L, sinh ngày 23/9/2014. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì cả 02 người con chung là Trần Anh T và Trần Phát L sống chung với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được quyền nuôi cả 02 người con chung. Tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì khác.

- *Đối với bị đơn anh Trần Văn T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc trực tiếp cho anh Trần Văn T tuy nhiên anh Trần Văn T không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và cũng không gửi văn bản hay ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu xin ly hôn của chị C cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án cán bộ Tòa án nhiều lần xuống địa phương để ghi nhận ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị C cũng như tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T tuy nhiên anh T không có mặt tại địa phương và không ai biết anh T đang ở đâu do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Vào năm 2006 chị C và anh T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 01 năm nay bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh T hay gây gổ, đánh đập chị C và đập phá đồ đạc trong nhà, hiện tại chị C và anh T đã sống ly thân từ ngày 28/3/2017 đến nay. Về phía anh T Tòa án không tiến hành lấy lời khai được do sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án anh T đã bỏ nhà đi, hiện tại không có mặt tại địa phương, nhưng Tòa án có tiến hành lấy lời khai của người thân và hàng xóm anh T gồm bà Nguyễn Thị L, bà Ngô Thị M, bà Trương Thị Thu Đ, bà Trần Thị Kim T, ông Phạm Minh Đ đều xác nhận vợ chồng anh T, chị C có xảy ra mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân. Xét thấy hôn nhân giữa chị C và anh T không thể hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không còn nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh T.

+ Về con chung: Chị C thừa nhận có 02 con chung với anh T là Trần Anh T sinh ngày 05/12/2007 và Trần Phát L sinh ngày 23/9/2014. Cháu T hiện tại trên 07 tuổi có nguyện vọng được sống chung với chị C (BL 60) và cháu L đã trên 36 tháng tuổi cũng

đang sống cùng với chị C. Xét thấy để không làm ảnh hưởng tâm lý phát triển của các cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị C giao cháu T và cháu L cho chị C nuôi dưỡng căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản: Chị C không yêu cầu giải quyết nên không đặc ra xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị C đối với anh Trần Văn T. Về con chung tiếp tục giao cháu Trần Anh T và cháu Trần Phát L cho chị Ngô Thị C nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ngô Thị C không yêu cầu. Về tài sản chung không đặc ra xem xét do chị C không yêu cầu. Ngoài ra chị C còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Ngô Thị C khởi kiện xin ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Trần Văn T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã N, huyện H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[2] Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

- *Về nội dung vụ án:*

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị C và anh Trần Văn T, nhận thấy: Chị C và anh T có tổ chức đám cưới trên tình thân tự nguyện vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 29/8/2013 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị C và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T thường hay gây gổ đánh đập chị C nên vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ ngày 28/3/2017 đến nay. Việc chị C và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T thường hay đánh đập chị C và vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau được những người dân sống lân cận như bà Trương Thị Thu Đ, bà Trương Thị L, bà Ngô Thị M và các cán bộ đại diện chính quyền ấp N, xã N nơi vợ chồng chị C, anh T lúc còn sống chung xác nhận.

[4] Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần trực tiếp đến nhà anh T để tổng đạt các văn bản tố tụng đồng thời xác định ý kiến của anh T về việc chị C xin ly hôn và yêu cầu được quyền nuôi con chung. Tuy nhiên suốt quá trình giải quyết vụ án anh T không có bất cứ ý kiến phản hồi nào mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cũng như giấy triệu tập làm việc. Anh T biết rõ yêu cầu khởi kiện của

chị C nhưng anh T vẫn không gửi văn bản hay ý kiến gì cho Tòa án. Thời gian vợ chồng chị C, anh T sống ly thân vừa qua là một khoảng thời gian khá dài thế nhưng trong suốt quãng thời gian ấy anh T vẫn không có biện pháp khắc phục tình trạng trầm trọng trong quan hệ hôn nhân với chị C để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, bền vững; cuộc sống chung giữa anh chị không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm xuất phát từ hai phía vợ và chồng nhưng hiện tại chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và qua các buổi làm việc Tòa án đã nhiều lần động viên hàn gắn đoàn tụ nhưng chị C vẫn cương quyết xin ly hôn. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Xét quan hệ con chung giữa chị C và anh T: Chị C xác định chị và anh T có với nhau 02 người con chung gồm Trần Anh T, sinh ngày 05/12/2007 và Trần Phát L, sinh ngày 23/9/2014. Hiện tại cháu T và cháu L đang sống chung với chị C. Khi ly hôn chị C yêu cầu được quyền nuôi cả 02 người con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào sự xác định của chị C cũng như lời trình bày của bà Trương Thị Thu Đ, bà Trương Thị L, bà Ngô Thị M và các cán bộ ấp N, xã N có cơ sở để xác định hiện tại cháu T và cháu L đang sống chung với chị C. Trong 02 người con chung của chị C và anh T thì cháu Trần Anh T hiện tại trên 07 tuổi. Tại bản tự khai ngày 21/02/2018 cháu T có nguyện vọng muốn được sống chung với chị C khi chị C và anh T ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Trần Anh T, sinh ngày 05/12/2007 và Trần Phát L, sinh ngày 23/9/2014 cho chị C nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, vợ chồng chị tự thỏa thuận. Riêng anh T trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có xảy ra tranh chấp về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng sau ly hôn, chị C và anh T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ở một vụ án độc lập khác.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Ngô Thị C phải chịu 300.000 đồng. Anh Trần Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7; 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị C và anh Trần Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 130 giữa chị Ngô Thị C và anh Trần Văn T do Ủy ban nhân dân xã N cấp ngày 29/8/2013 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Anh T, sinh ngày 05/12/2007 và cháu Trần Phát L, sinh ngày 23/9/2014 cho chị Ngô Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị C không yêu cầu.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3/. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị C phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Ngô Thị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005479 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nay được chuyển thu án phí.

Anh Trần Văn T không phải chịu án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm hôn nhân và gia đình C khai có mặt nguyên đơn chị Ngô Thị C, vắng mặt bị đơn anh Trần Văn T. Báo cho chị Ngô Thị C biết là chị có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Riêng đối với anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Hồng Dân (2b);
- CC.THADS huyện Hồng Dân (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

(Đã ký)

Trần Văn Bình